

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Luật Hoà giải ở cơ sở số 35/2013/QH13;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 0243/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 233/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 0330/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung liên quan đến mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng

Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

c) Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo Nghị quyết này và Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

1. Chi công tác phí cho người đi công tác, kiểm tra, giám sát (bao gồm: báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên); chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch: thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng thôn, buôn, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật số 14/2012/QH13: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND).

Mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của

cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

3. Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, cấp xã; ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, ban chỉ đạo): thực hiện theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã, gồm: Chủ trì: 150.000 đồng/người/cuộc họp, các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

4. Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng

a) Chi biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) giới thiệu luật, pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường: thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND.

b) Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật: thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông): thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND quy định chế

độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

5. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù

a) Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành;

Cấp xã: 1.200.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.

b) Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

Cấp tỉnh: 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành;

Cấp xã: 350.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.

c) Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

Cấp tỉnh: 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành;

Cấp xã: 1.800.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.

d) Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia):

Cấp tỉnh: 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành;

Cấp xã: 6.000.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.

6. Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: thực hiện theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm; Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC).

7. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Tỉnh	Cấp xã
1	Xây dựng đề cương:			

	Xây dựng đề cương chi tiết	Đồng/đề cương	1.200.000	1.000.000
	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đồng/đề cương hoàn chỉnh	2.000.000	1.500.000
2	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch:			
	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	Đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	3.000.000	2.000.000
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Đồng/báo cáo	500.000	400.000
3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý:			
	Chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	150.000
	Thành viên		100.000	80.000
4	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Đồng/văn bản	500.000	400.000
5	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch:			
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/buổi	200.000	150.000
	Thành viên Hội đồng, thư ký		150.000	100.000
	Đại biểu được mời tham dự		100.000	80.000
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng		300.000	250.000
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng		200.000	150.000
	Ý kiến thẩm định chương	Đồng/bài viết	500.000	350.000

6	trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)			
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Đồng/văn bản	500.000	350.000

8. Chi thù lao

a) Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt với tư cách là giảng viên (bao gồm người không phải là cán bộ, công chức, viên chức): thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND).

Trường hợp thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật số 14/2012/QH13 thì được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.

b) Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật: thực hiện theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

9. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt

a) Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 01 ngày).

b) Tiền nước uống cho người dự sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.

10. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi

a) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi, hội thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi, hội thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày): thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, thi trên internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu cần, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi, hội thi: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi, hội thi: thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:

Thuê dẫn chương trình: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình;

Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị;

Thuê văn nghệ, diễn viên: tối đa 450.000 đồng/người/ngày.

d) Chi giải thưởng: tùy theo quy mô (tổ chức ở một hoặc nhiều cấp, một hoặc nhiều vòng thi...), tính chất (cuộc thi, hội thi sân khấu, thi viết, thi có ứng dụng công nghệ hoặc có thể kết hợp nhiều hình thức thi...) và địa bàn tổ chức để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi quy định tại điểm này, cụ thể như sau:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Tỉnh	Cấp xã
1	Giải Nhất	Đồng/tập thể	15.000.000	12.000.000
		Đồng/cá nhân	9.000.000	7.000.000
2	Giải Nhì	Đồng/tập thể	10.500.000	8.000.000
		Đồng/cá nhân	4.500.000	3.500.000
3	Giải Ba	Đồng/tập thể	7.500.000	6.000.000
		Đồng/cá nhân	3.000.000	2.500.000

4	Giải Khuyến khích	Đồng/tập thể	4.500.000	3.500.000
		Đồng/cá nhân	1.500.000	1.000.000
5	Giải phụ khác	Đồng/giải	750.000	500.000

11. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

a) Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các ngành, địa phương: 75.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã: 3.000.000 đồng/báo cáo.

12. Một số mức chi công tác hòa giải ở cơ sở

a) Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hoà giải ở cơ sở số 35/2013/QH13: 400.000 đồng/vụ, việc.

b) Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.

c) Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

13. Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: thực hiện theo Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

1. Chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của địa phương, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã (nếu có) theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong, ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026. Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ở tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An